

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST
Ngày 26- 5 - 2021
“V/v tranh chấp xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Hoài
2. Bà Đoàn Thị Kiều Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Dương Thị N**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện A M, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Võ Chí B**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A B, tỉnh Kiên Giang

(Chị N có mặt tại phiên tòa, anh B vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Dương Thị N trình bày như sau:

Chị và anh Võ Chí B chung sống với nhau vào năm 2011 hôn nhân tự nguyện, anh

chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A B, tỉnh Kiên Giang. Anh chị sống hạnh phúc được khoảng hơn 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống khiến cuộc sống vợ chồng thường xuyên cự cãi bất hòa, hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã cố gắng hàn gắn để chung sống với nhau nhưng đến nay không thể dung hòa được, vì vậy vợ chồng đã sống ly thân gần 10 năm nay. Nay chị N thấy không thể tiếp tục chung sống với anh Bình nên yêu cầu Tòa giải quyết được ly hôn với anh Võ Chí B.

Về con chung, về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị Na không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn anh Võ Chí B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (02 lần), nhưng anh Bình không hợp tác và cũng không trình bày ý kiến của mình gửi đến Tòa, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án gồm: Đơn khởi kiện xin ly hôn; giấy chứng nhận kết hôn; giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu; đơn xác nhận tình trạng cư trú của đương sự; biên bản ghi lời khai của đương sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị N giữ nguyên yêu cầu, ý kiến như đã trình bày trên. Anh B vắng mặt nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn

- Về nội dung: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị N đối với anh Võ Chí B là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, căn cứ vào các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh Bình vắng mặt lần hai, không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Bình theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh B cưới nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A B, tỉnh Kiên Giang theo giấy Chứng nhận kết hôn số 228, quyển số 02/2011 ngày 17/11/2011 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị N xin được ly hôn với anh B, do vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được, anh chị đã ly thân gần 10 năm nay. Còn anh B thì trong suốt quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và thông báo hòa giải hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm, trở về đoàn tụ nhưng anh B không hợp tác và cũng không trình bày ý kiến gì gửi đến Tòa án đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N.

Tại phiên tòa hôm nay, chị N cương quyết xin ly hôn với anh B. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị N và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại các Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung, tài sản và nợ chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận như nêu ở phần nhận định trên.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Dương Thị N và anh Võ Chí B.
2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định không có nên Hội đồng không xem xét giải quyết.
3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Dương Thị N có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0007270 ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- VKSND huyện An Biên;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, huyện A B;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Chon

